2/9/2023

Quý Phụ huynh thân mến:

Cornelius Elementary chia sẻ thông tin này về học khu và trường của con em quý vị với quý vị là một phần trong bổn phận của họ theo Đạo luật Mọi Học sinh đều Thành công (Every Student Succeeds Act - ESSA) của liên bang năm 2015.

Phiếu Báo cáo Liên bang cho tiểu bang, học khu và mỗi trường của học khu hiện có sẵn bằng cách truy cập các địa điểm sau:

* Đối với báo cáo Cấp Tiểu bang (TEA), hãy nhấp vào [**ĐÂY**](https://rptsvr1.tea.texas.gov/cgi/sas/broker?_service=marykay&_program=perfrept.perfmast.sas&_debug=0&frc=yes&ccyy=2022&lev=S&prgopt=2019%2Ffrc%2Freport_card.sas).
* Đối với báo cáo Cấp Học Khu, nhấp vào [**ĐÂY**](https://rptsvr1.tea.texas.gov/cgi/sas/broker?_service=marykay&_program=perfrept.perfmast.sas&_debug=0&frc=yes&ccyy=2022&lev=D&id=101912&prgopt=2019%2Ffrc%2Freport_card.sas).
* Đối với báo cáo Cấp Trường: Click or tap here to enter text.

Thông tin trên các phiếu báo cáo này gồm:

## Phần (i): Mô tả Tổng quát về Hệ thống Giải trình Trách nhiệm Tiểu bang Texas

(I) số lượng học sinh tối thiểu mà Tiểu bang xác định là cần thiết để đưa vào mỗi nhóm học sinh phụ để sử dụng trong hệ thống giải trình trách nhiệm;

(II) các mục tiêu dài hạn và biện pháp đo lường sự tiến bộ tạm thời cho tất cả học sinh và cho từng nhóm học sinh phụ;

(III) các chỉ số được sử dụng để phân biệt một cách có ý nghĩa tất cả các học khu công lập trong Tiểu bang;

(IV) hệ thống của Tiểu bang nhằm phân biệt một cách có ý nghĩa tất cả các học khu công lập trong Tiểu bang, bao gồm —

(aa) trọng số cụ thể của các chỉ số trong hệ thống phân biệt đó;

(bb) phương pháp theo đó Tiểu bang phân biệt tất cả các học khu đó;

(cc) phương pháp mà Tiểu bang phân biệt một học khu là luôn có thành tích kém đối với bất kỳ nhóm học sinh phụ nào; và

(dd) phương pháp mà Tiểu bang xác định một học khu để hỗ trợ và cải tiến toàn diện;

(V) số lượng và tên của tất cả các học khu công lập trong Tiểu bang được Tiểu bang xác định để hỗ trợ và cải tiến toàn diện hoặc thực hiện các kế hoạch hỗ trợ và cải tiến có mục tiêu;

(VI) các tiêu chí đạt do Tiểu Bang thiết lập, bao gồm cả khoảng thời gian thành lập.

Phần (ii): Thành tích của Học sinh theo Trình độ Thông thạo

Phần này cung cấp thông tin về thành tích của học sinh trong các kỳ thi Đánh giá Mức độ Sẵn sàng về mặt Học thuật (STAAR) của Tiểu bang Texas đối với môn toán, đọc/ELA và khoa học theo cấp lớp và trình độ thông thạo cho năm học 2021-22. Những kết quả này bao gồm tất cả các học sinh được kiểm tra, bất kể các em có thuộc nhóm phụ giải trình trách nhiệm hay không.

**Phần (iii)(I): Phát triển về mặt Học thuật**

Phần này cung cấp thông tin về sự tiến bộ trong học tập của học sinh đối với môn toán và đọc/ELA cho các trường tiểu học và trung học cơ sở công lập không có tỷ lệ tốt nghiệp, cho năm học 2021-22. Những kết quả này bao gồm tất cả các học sinh được kiểm tra, bất kể các em có thuộc nhóm phụ giải trình trách nhiệm hay không.

**Phần (iii)(II): Tỷ lệ Tốt nghiệp**

Phần này cung cấp thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông cho khóa tốt nghiệp năm 2021.

**Phần (iv): Trình độ Thông thạo Anh Ngữ**

Phần này cung cấp thông tin về số lượng và tỷ lệ phần trăm học sinh học Anh Ngữ đạt được trình độ thông thạo Anh Ngữ dựa trên dữ liệu của Hệ thống Đánh giá Trình độ Thông thạo Anh ngữ Texas (TELPAS) năm 2022.

**Phần (v): Chất lượng Trường học hoặc Sự Thành công của Học sinh (SQSS)**

Phần này cung cấp thông tin về chất lượng trường học hoặc sự thành công của học sinh, đó là sự sẵn sàng cho đại học, nghề nghiệp và quân sự (CCMR) cho các trường trung học phổ thông và tỷ lệ thành tích trung bình của ba mức thành tích STAAR của tất cả học sinh, bất kể các em có thuộc nhóm phụ trách nhiệm giải trình hay không, đối với các trường tiểu học và trung học cơ sở không có tỷ lệ tốt nghiệp.

**Phần (vi): Tình trạng Đạt Mục tiêu**

Phần này cung cấp thông tin về tiến trình của tất cả học sinh và từng nhóm học sinh trong việc đạt được các mục tiêu dài hạn hoặc mục tiêu tạm thời về thành tích học tập STAAR, tỷ lệ tốt nghiệp liên bang và trình độ thông thạo ngôn ngữ của học sinh học Anh Ngữ.)

**Phần (vii): Tham gia STAAR**

Phần này cung cấp tỷ lệ phần trăm học sinh được đánh giá và không được đánh giá ở STAAR về toán, đọc/ELA và khoa học.

**Phần (viii): Dữ liệu về Dân Quyền**

Phần (viii)(I): Phần này cung cấp thông tin từ các cuộc khảo sát Thu thập Dữ liệu về Dân Quyền (CRDC) 2017-18, được các học khu nộp cho Văn phòng Dân Quyền, về các biện pháp đánh giá chất lượng, môi trường và an toàn của trường học, bao gồm số lần đình chỉ học tập trong trường học, đình chỉ học tập ngoài trường học, đuổi học, bắt giữ liên quan đến trường học, giới thiệu đến cơ quan thực thi pháp luật, vắng mặt thường xuyên (bao gồm cả vắng mặt có phép và không phép), các trường hợp bạo lực, bao gồm bắt nạt và quấy rối.

Phần (viii)(II): Phần này cung cấp thông tin từ các cuộc khảo sát Thu thập Dữ liệu về Dân Quyền (CRDC) 2017-18, được các học khu nộp cho Văn phòng Dân quyền, về số học sinh ghi danh các chương trình mầm non và các khóa học cấp tốc để lấy tín chỉ sau trung học trong khi vẫn đang học trung học phổ thông.

**Phần (ix): Dữ liệu Chất lượng Giáo viên**

Phần này cung cấp thông tin về trình độ chuyên môn của giáo viên, bao gồm thông tin được phân tách theo các trường có tỷ lệ học sinh nghèo cao và thấp về số lượng và tỷ lệ (I) giáo viên, hiệu trưởng và các nhà lãnh đạo khác của trường thiếu kinh nghiệm; (II) giáo viên giảng dạy với chứng chỉ khẩn cấp hoặc tạm thời; và (III) giáo viên không giảng dạy trong môn học hoặc lĩnh vực mà giáo viên đó được chứng nhận hoặc cấp phép.

**Phần (x): Chi phí cho Mỗi Học sinh**

Phần này cung cấp thông tin về chi phí cho mỗi học sinh của các quỹ liên bang, tiểu bang và địa phương, bao gồm chi phí thực tế cho nhân viên và chi phí thực tế không cho nhân viên, được phân chia theo nguồn quỹ, cho từng học khu và trường học cho năm tài chính trước đó.

*Sẽ được cập nhật trước ngày 30 Tháng Sáu năm 2023.*

**Phần (xi): Tham gia STAAR Alternate 2**

Phần này cung cấp thông tin về số lượng và tỷ lệ phần trăm học sinh gặp các khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất tham gia STAAR Alternative 2, theo cấp lớp và môn học cho năm học 2021-22.

**Phần (xii): Đánh giá Quốc gia về Tiến bộ Giáo dục trên Toàn Tiểu bang (NAEP)**

Phần này cung cấp kết quả về các bài đánh giá học thuật của tiểu bang về môn đọc và toán ở lớp 4 và lớp 8 của Đánh giá Quốc gia về Tiến bộ Giáo dục năm 2022, so với mức trung bình toàn quốc của các kết quả đó.

**Phần (xiii): Tỷ lệ Nhóm Thuần tập Học sinh Tốt nghiệp Ghi danh vào Giáo dục Sau Trung học**

Phần này cung cấp thông tin về tỷ lệ nhóm thuần tập học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông trong năm học 2019-20 ghi danh năm học 2020-21 vào (I) các chương trình giáo dục sau trung học công lập ở Texas; (II) các chương trình giáo dục sau trung học tư thục ở Texas; và (III) các chương trình giáo dục sau trung học bên ngoài Texas.

**Phần (xiv): Thông tin Bổ sung – Vắng mặt Kéo dài**

Phần này cung cấp thông tin về Vắng mặt Kéo dài theo định nghĩa của EDFacts: phần trăm số học sinh Mẫu giáo – Lớp 12 không trùng lặp đã ghi danh theo học tại một trường trong ít nhất 10 ngày và vắng mặt từ 10% số ngày trở lên trong năm học 2020-21.

Nếu quý vị gặp khó khăn khi truy cập thông tin từ trang web, bản in bản sao của các báo cáo có sẵn tại văn phòng học khu hoặc trường học. Mọi thắc mắc về thông tin vui lòng liên hệ Erica Caldwell, 713-845-7405, ecaldwe2@houstonisd.org.

Trân trọng,

Zaira Gomez